TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;

2. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn P Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tôn Hoàng P, sinh năm 1977; Địa chỉ: 105 N, Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn*:* Chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 1, Thôn T, xã Vi, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2018, bản tự khai ngày 19/2/2019 của anh Tôn Hoàng P và biên bản lấy lời khai của chị Đỗ Thị Ngọc T ngày 01 tháng 4 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của anh Tôn Hoàng P tại phiên tòa đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tôn Hoàng P và chị Đỗ Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 27/5/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Tôn Hoàng P tại 105 N, Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Từ năm 2016 đến nay, Anh P và chị T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh P xin được ly hôn với chị T và chị T cũng đồng ý ly hôn với anh P. Chị T đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị tại phiên toà.

Về con chung: Anh Tôn Hoàng P và chị Đỗ Thị Ngọc T xác nhận, vợ chồng có hai con chung tên là Tôn Nữ Tâm N, sinh ngày 02-6-2010 và Tôn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 04-6-2012. Hiện nay cháu Tâm N đang ở với anh P còn cháu Tuấn T đang ở với chị T. Khi ly hôn anh P, chị T thỏa thuận giao cháu Tôn Nữ Tâm N cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Tôn Hoàng Tuấn T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Tôn Hoàng P và chị Đỗ Thị Ngọc T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Tôn Hoàng P với chị Đỗ Thị Ngọc T; Giao cháu Tôn Hoàng Tuấn Tú cho chị Đỗ Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Tôn Nữ Tâm N cho anh Tôn Hoàng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Đỗ Thị Ngọc T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tôn Hoàng P và chị Đỗ Thị Ngọc T xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của anh P, thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được, lời khai của anh P, chị T, Hội đồng xét xử xác định cuộc sống vợ chồng của hai người không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống,

dẫn đến mâu thuẫn cãi vã và vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh P làm đơn xin ly hôn chị T cũng đồng ý ly hôn nhưng do chị T ở xa không về được và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt mình. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng của anh P, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh P được ly hôn với chị T, là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của anh Anh Tôn Hoàng P, chị Đỗ Thị Ngọc T và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tôn Nữ Tâm N, sinh ngày 02-6-2010 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Tôn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 04-6-2012 cho chị Đỗ Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về Tài sản chung và nợ chung: Anh Tôn Hoàng P và chị Đỗ Thị Ngọc T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Cần căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tôn Hoàng P được ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc T. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Tôn Nữ Tâm N, sinh ngày 02-6-2010 cho anh Tôn Hoàng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Tôn Hoàng Tuấn T, sinh ngày 04-6-2012 cho chị Đỗ Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Tôn Hoàng P chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2013/007607 ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; anh P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND phường T, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi